

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP THÀNH ĐẠT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP THÀNH ĐẠT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANH DAT GENERAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0107613506

3. Ngày thành lập: 27/10/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Tự Khoát, Xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0974513888

Fax:

Email: lenamthanh888@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
2.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
3.	Xây dựng nhà các loại	4100
4.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Gồm có: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt may; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.	4659
5.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
6.	Xuất bản phần mềm	5820
7.	Hoạt động chiếu phim	5914
8.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320

9.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
10.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Gồm có: Kinh doanh bất động sản (nhà xưởng, kho, bến bãi, cho thuê văn phòng);	6810(Chính)
11.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
12.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
13.	Bốc xếp hàng hóa	5224
14.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Gồm có: - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá.	5229
15.	Quảng cáo	7310
16.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
17.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
18.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
19.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
20.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
21.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Gồm có: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa;	8299
22.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	4634
23.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
24.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
25.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
26.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
27.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
28.	Bán mô tô, xe máy	4541
29.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592

30.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Gồm có: Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, Các xưởng hoá chất; Xây dựng công trình cửa như: Đường thuỷ, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống..., Đập và đê; Xây dựng đường hầm; Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời; Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ đắp đường, các cơ sở hạ tầng công).	4290
31.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Gồm có: Bán buôn gỗ cây, tre, nứa, sản phẩm gỗ sơ chế; Bán buôn sơn và véc ni; Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; Bán buôn kính phẳng; Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; Bán buôn bình đun nước nóng; Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su; Bán buôn búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác	4663
32.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
33.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
34.	Xây dựng công trình công ích	4220
35.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
36.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
37.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
38.	Khai thác dầu thô	0610
39.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
40.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
41.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
42.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
43.	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản	1020
44.	In ấn	1811
45.	Sản xuất than cốc	1910
46.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
47.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
48.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
49.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
50.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
51.	Bán buôn đồ uống	4633

52.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
53.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
54.	Hoạt động cấp tín dụng khác	6492
55.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Gồm có: Hoạt động trang trí nội thất; dịch vụ trang trí xe ô tô, xe hoa đám cưới;	7410
56.	Đại lý, môi giới, đấu giá Gồm có: Đại lý;	4610
57.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
58.	Cho thuê xe có động cơ	7710
59.	Bán buôn thực phẩm	4632
60.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
61.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
62.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
63.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
64.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
65.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
66.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
67.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
68.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
69.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
70.	Bán buôn gạo	4631
71.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
72.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
73.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
74.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
75.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Gồm có: Bán buôn ô tô con loại 12 chỗ ngồi trở xuống;	4511
76.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
77.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
78.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
79.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
80.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
81.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Gồm có: Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện,	4759

82.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Gồm có: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;	4649
83.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
84.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
85.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
86.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
87.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
88.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Gồm có: Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng. Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: Thang máy, cầu thang tự động, Các loại cửa tự động, Hệ thống đèn chiếu sáng, Hệ thống hút bụi, Hệ thống âm thanh, Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí	4329
89.	Phá dỡ	4311
90.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
91.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
92.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
93.	(Không bao gồm những ngành, nghề mà pháp luật cấm kinh doanh và chỉ kinh doanh sau khi có đủ điều kiện theo quy định pháp luật);	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 45.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ THANH TUẤN	Thôn Đoàn Kết, Xã Bàu Cạn, Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.350.000	13.500.000.000	30,000	230549778	
			Tổng số	1.350.000	13.500.000.000	30,000		
2	LÊ NAM THANH	Tập thể Đại lý vận tải, Xã Vĩnh Quỳnh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	900.000	9.000.000.000	20,000	011625489	
			Tổng số	900.000	9.000.000.000	20,000		
3	NGUYỄN QUỐC HOÀNG	Thôn Tụ Khoát, Xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	450.000	4.500.000.000	10,000	001069007007	
			Tổng số	450.000	4.500.000.000	10,000		
4	NGUYỄN THẾ HÙNG	Tập thể COMA 7, Xã Liên Ninh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	450.000	4.500.000.000	10,000	017082000030	
			Tổng số	450.000	4.500.000.000	10,000		
5	NGUYỄN THỊ HỒNG GẮM	Đội 7, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	675.000	6.750.000.000	15,000	011489361	
			Tổng số	675.000	6.750.000.000	15,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ NAM THANH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *05/05/1974*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *011625489*

Ngày cấp: *12/12/2012*

Nơi cấp: *Công an thành phố Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tập thể Đại lý vận tải, Xã Vĩnh Quỳnh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tập thể Đại lý vận tải, Xã Vĩnh Quỳnh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*